TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 5 - 2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về Tranh chấp ly hôn

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần Tuấn P – sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: tổ dân phố T, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: chị Hoàng Thị A – sinh năm 1982

Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

(Hiện về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình).

Tại phiên toà nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/11/2017, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn, anh Trần Tuấn P trình bày: anh và chị Hoàng Thị A tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10/4/2009. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận

được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì vợ chồng tính tình không hợp, khác biệt lớn về quan điểm, lối sống nên không thể thông cảm, hòa hợp với nhau. Chị A tính tình tự do, thích làm theo ý mình, không có trách nhiệm với gia đình mà hễ có chuyện gì thì chị lại bỏ nhà đi. Mặc dù anh đã nói chuyện, phân tích và khuyên nhủ chị A nhưng chị vẫn không thay đổi. Từ năm 2014 chị A tự ý dẫn con lên sống ở nhà ngoại ở xã H, anh chị ly thân từ đó cho đến nay. Thấy hai người không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không thể kéo dài nên anh P đã làm đơn đến Tòa án xin được ly hôn với chị Hoàng Thị A.

Quá trình chung sống anh và chị A có 02 con chung là Trần Thanh B – sinh ngày 25/5/2010 và Trần Bảo H – sinh ngày 29/7/2012. Nguyện vọng của anh sau khi ly hôn là được nuôi con và không yêu cầu chị A đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình chung sống anh và chị A không có tài sản chung hay nợ nần gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập các đương sự đến tham gia giải quyết vụ án nhiều lần nhưng chỉ có anh P có mặt, phía chị A đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của chị A và tổ chức để các đương sự hòa giải với nhau được. Toà án đã gặp bố, mẹ của chị A để xác minh và tống đạt các văn bản tố tụng liên quan cho chị A. Kết quả xác minh bố, mẹ của chị A là ông Hoàng Đình K và bà Nguyễn Thị T cho biết: sau khi đưa con về nhà ông bà thì chị A đã đi khỏi địa phương để làm ăn, chỉ thỉnh thoảng chị A mới về, tuy nhiên, chị A không cung cấp địa chỉ nơi cư trú của mình cho ông bà biết. Khi được ông bà thông báo về việc Toà án triệu tập đến giải quyết vụ án cũng như triệu tập đến phiên toà xét xử vụ án thì chị A trao đổi lại là vì công việc chị không thể về tham gia tố tụng được, đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Trên cơ sở đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên toà, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến hai lần nhưng bị đơn - chị A tiếp tục vắng mặt, vì vậy, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị A.

- Về mặt nội dung: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh P ly hôn với chị A; đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh P nuôi con chung là Trần Thanh B và giao chị A nuôi con chung là Trần Bảo H, không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; về tài sản chung của vợ chồng không có nên không xem xét.

Sau khi nghe lời trình bày của đương sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên toà ngày 17/4/2018 nhưng do chị A không có mặt nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên toà. Sau đó, Toà án tiếp tục tống đạt Quyết định hoãn phiên toà và Giấy triệu tập đến phiên toà lần thứ hai, tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay chị A vẫn không có mặt. Như vậy, việc chị A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là do không chấp hành việc triệu tập của Toà án, do đó, cần căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải biết thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và thông cảm cho nhau, tạo điều kiện cho nhau về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng khi sống chung với nhau chỉ được một thời gian ngắn giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, không thấu hiểu lẫn nhau, anh P cho rằng chị A có lối sống tự do, chỉ thích làm theo ý mình chứ không nghĩ và chăm lo cho gia đình, chồng, con. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P và chị A là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Trần Tuấn P ly hôn với chị Hoàng Thị A là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Trần Tuấn P và chị Hoàng Thị A đều thống nhất khai nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Thanh B – sinh ngày 25/5/2010 và Trần Bảo H – sinh ngày 29/7/2012. Xét nguyện vọng của anh P cũng như điều kiện sống, công việc của hai bên, Hội đồng xét xử nghĩ cần xử giao cho anh P nuôi dưỡng cháu Trần Thanh B còn giao cho chị A nuôi dưỡng cháu Trần Bảo H là phù hợp. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Theo trình bày của anh P, quá trình chung sống giữa anh và chị A không có tài sản chung, do đó anh không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Tuấn P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị A.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tuấn P, cho anh Trần Tuấn P ly hôn với chị Hoàng Thị A.

3. Về con chung: giao con chung là Trần Thanh B – sinh ngày 25/5/2010 cho anh Trần Tuấn P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Trần Bảo H – sinh ngày 29/7/2012 cho chị Hoàng Thị A trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn hai bên được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc anh Trần Tuấn P phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002038 ngày 27/11/2017. Anh Trần Tuấn P đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.